

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 226 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 12 tháng 7 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành thuê rừng trên diện tích đã cho thuê đất tại xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Điều 248 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phúc Lâm Thành thuê đất thực hiện Dự án Đầu tư Khu du lịch sinh thái Đắk Lung;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng trên diện tích đã cho thuê đất thuộc dự án của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành trên địa bàn huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 94/TTr-SNN ngày 12 tháng 6 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành thuê 50,46 ha (Năm mươi phẩy bốn mươi sáu héc ta) rừng sản xuất là rừng tự nhiên

tại lô 1 khoảnh 1 Tiểu khu 1495; lô 1, 2, 3, 4, 5 khoảnh 4 Tiểu khu 1495; lô 1, 2, 3 khoảnh 2 Tiểu khu 1489; lô 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 khoảnh 1 Tiểu khu 1499; lô 1, 2, 3 khoảnh 2 Tiểu khu 1499 thuộc địa giới hành chính xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

1. Vị trí, ranh giới được xác định theo Bản đồ kết quả điều tra hiện trạng rừng tỷ lệ 1:5.000 do Trung tâm quy hoạch khảo sát thiết kế lập được thống nhất tại Biên bản lập ngày 31/5/2024.

2. Đặc điểm khu rừng theo Biểu hồ sơ quản lý rừng kèm theo Quyết định này, hiện trạng như sau:

Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh giàu núi đất (TXG): 2,11 ha.

Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh trung bình núi đất (TXB): 34,77 ha.

Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo núi đất (TXN): 11,10 ha.

Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh kiệt núi đất (TXK): 0,71 ha.

Rừng hỗn giao Gỗ và tre nửa núi đất (HG): 1,77 ha.

3. Thời hạn cho thuê rừng: 37 năm (Theo Phương án đấu giá thuê rừng trên diện tích đã cho thuê đất thuộc dự án của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 28/02/2023; phù hợp với thời hạn cho thuê đất tại Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông).

4. Hình thức thuê rừng: Trả tiền thuê rừng hàng năm.

5. Giá tiền thuê rừng: 33.784.000 đồng/năm.

## **Điều 2. Trách nhiệm các Sở, ngành, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Ký hợp đồng thuê rừng và cập nhật hồ sơ thuê rừng theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Đức, UBND xã Quảng Tâm, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành và các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao rừng trên thực địa.

- Hướng dẫn, kiểm tra Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành thực hiện quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được thuê đúng mục đích theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện bàn giao đất, rừng trên thực địa cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

#### 4. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện cho thuê rừng, bàn giao rừng tại thực địa.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành thực hiện Dự án, Phương án quản lý rừng bền vững, Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

#### 5. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành

- Ký hợp đồng thuê rừng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định pháp luật.

- Thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được thuê đúng mục đích theo các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Chấp hành quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện dự án.

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định để triển khai, thực hiện.

- Nộp tiền thuê rừng và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức; Chủ tịch UBND xã Quảng Tâm; Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Thi).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

## BIỂU: HỒ SƠ QUẢN LÝ RỪNG

(Kèm theo Quyết định số **826** /QĐ-UBND ngày **12** tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

<b>a. Thông tin về chủ rừng</b>												
Tỉnh Đắk Nông		Xã Quảng Tâm			Tên chủ quản lý: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành							
Huyện Tuy Đức					Tên chủ sử dụng: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Lâm Thành							
<b>b. Thông tin chi tiết về rừng</b>												

TT	THÔNG TIN THỬA ĐẤT		THÔNG TIN VỀ RỪNG										Mục đích sử dụng (Chức năng)	Thời hạn sử dụng (năm)
	Số tờ bản đồ địa chính	Thửa đất số	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích	Đất có rừng							
							Rừng tự nhiên			Rừng trồng				
							Trạng thái	Trữ lượng		Loài cây	Năm trồng	Trữ lượng (TN:1000 cây, Gõ: m <sup>3</sup> )		
Gõ (m <sup>3</sup> )	Tre, nứa (1000 cây)													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(16)	(17)
1			1495	1	1	2,66	TXN	220,63	-	-	-	-		
2			1495	4	1	0,22	TXN	13,45	-	-	-	-		
3			1495	4	2	0,05	TXN	4,12	-	-	-	-		
4			1495	4	3	0,78	TXN	52,66	-	-	-	-		
5			1495	4	4	4,21	TXB	624,68	-	-	-	-		
6			1495	4	5	1,31	HG	137,32	1,615	-	-	-		
7			1489	2	1	1,00	TXB	130,38	-	-	-	-		
8			1489	2	2	0,77	TXN	52,58	-	-	-	-		
9			1489	2	3	0,19	TXK	6,07	-	-	-	-		
10			1499	1	1	0,29	TXN	22,22	-	-	-	-		
11			1499	1	2	1,73	TXN	105,32	-	-	-	-		
12			1499	1	3	28,69	TXB	3771,75	-	-	-	-		
13			1499	1	4	1,95	TXN	127,02	-	-	-	-		
14			1499	1	5	1,43	TXN	97,17	-	-	-	-		
15			1499	1	6	0,15	TXN	18,80	-	-	-	-		
16			1499	1	7	0,08	TXN	4,17	-	-	-	-		
17			1499	1	8	0,03	TXN	1,68	-	-	-	-		

Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo quy định của pháp luật

37 năm



TT	THÔNG TIN THỬA ĐẤT		THÔNG TIN VỀ RỪNG										Mục đích sử dụng (Chức năng)	Thời hạn sử dụng (năm)
	Số tờ bản đồ địa chính	Thửa đất số	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích	Đất có rừng							
							Rừng tự nhiên			Rừng trồng				
							Trạng thái	Trữ lượng		Loài cây	Năm trồng	Trữ lượng (TN:1000 cây, Gõ: m <sup>3</sup> )		
Gõ (m <sup>3</sup> )	Tre, nứa (1000 cây)													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(16)	(17)
18			1499	1	9	0,30	TXN	36,03	-	-	-	-		
19			1499	1	10	0,29	TXN	14,51	-	-	-	-		
20			1499	1	11	0,27	TXN	23,41	-	-	-	-		
21			1499	1	12	0,56	TXB	138,03	-	-	-	-		
22			1499	1	13	0,10	TXN	6,86	-	-	-	-		
23			1499	1	14	2,11	TXG	609,80	-	-	-	-		
24			1499	1	15	0,46	HG	47,22	0,567	-	-	-		
25			1499	2	1	0,31	TXB	52,87	-	-	-	-		
26			1499	2	2	0,27	TXK	9,22	-	-	-	-		
27			1499	2	3	0,25	TXK	6,79	-	-	-	-		